**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**KHOAVIỆT NAM HỌC VÀ TIẾNG VIỆT**

**BỘ MÔN VIỆT NGỮ HỌC**

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**TIẾNG VIỆT CHUYÊN NGÀNH I**

(VĂN HÓA-LỊCH SỬ)

(Specific Vietnamese I)

**1. Thông tin về giảng viên**

**1.1. Giảng viên 1:**

Họ và tên: **Trần Nhật Chính**

Chức danh, học vị: Giảng viên chính, TS.

Thời gian làm việc: Thứ 2 và thứ sáu hàng tuần

Địa điểm làm việc: Khoa Việt Nam học &Tiếng Việt, nhà B7-Bis, Trần Đại Nghĩa, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Khoa Việt Nam học &Tiếng Việt, nhà B7-Bis, Trần Đại Nghĩa, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại CQ: (84-4) 38694323

Email: [trannhatchinh@yahoo.com](mailto:trannhatchinh@yahoo.com)

Các hướng nghiên cứu chính :

• Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt

• Ngôn ngữ học dạy tiếng

**1.2. Giảng viên 2:**

Họ và tên: **Vũ Văn Thi**

Chức danh, học vị: Giảng viên chính, PGS.TS.

Thời gian làm việc: Thứ ba và thứ năm hàng tuần

Địa điểm làm việc: Khoa Việt Nam học &Tiếng Việt, nhà B7-Bis,

Trần Đại Nghĩa, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Địa chỉ liên hệ: Khoa Việt Nam học &Tiếng Việt, nhà B7-Bis,

Trần Đại Nghĩa, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại CQ: (84-4) 38694323

Email: [vuvanthi@yahoo.com](mailto:vuvanthi@yahoo.com)

Các hướng nghiên cứu chính:

• Ngữ pháp và Ngữ pháp tiếng Việt

• Ngôn ngữ học dạy tiếng

**2. Thông tin chung về môn học:**

• Tên môn học: **Tiếng Việt chuyên ngành I** (Văn hoá - Lịch sử)

• Tên tiếng Anh: Specialist Vietnamese (Culture & History)

• Mó mụn học: VLC3041

• Số tín chỉ: 03

• Môn học: Bắt buộc

• Các môn học tiên quyết: Tiếng Việt cơ sở I, II, III

• Các môn học kế tiếp:Tiếng Việt chuyên ngành II (Văn học-Ngôn ngữ)

Tiếng Việt chuyên ngành III (Kinh tế -Xã hội)

• Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Nghe giảng lý thuyết: 17

- Làm bài tập trên lớp: 28

- Thảo luận:

-Thực hành, điền dã:

-Hoạt động theo nhóm:

- Tự học xác định:

• Địa chỉ Khoa phụ trách môn học: Khoa Việt Nam học &Tiếng Việt, Trường ĐHKHXH &NV, B7-Bis, Trần Đại Nghĩa, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội --

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học:**

**3.1. Mục tiêu chung:**

Môn học “Tiếng Việt chuyên ngành lịch sử và văn hóa” không chỉ dạy cho sinh viên môn tiếng Việt ở trình độ cao cấp mà còn trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về lịch sử và văn hóa của đất nước Việt Nam. Về tiếng Việt: sinh viên sẽ được học các cấu trúc ngữ pháp khó trong tiếng Việt, được bổ sung các từ ngữ chuyên ngành lịch sử và văn hoá, được đọc các văn bản tiếng Việt dài hơn, khó hơn ở các trình độ mà họ đã học trước đó. Ngoài việc học tiếng Việt chuyên ngành trên lớp, các sinh viên còn tham gia các buổi thảo luận xung quanh các vấn đề về lịch sử và văn hoá mà họ đã học và được tham gia các buổi học dã ngoại, thăm các viện bảo tàng lịch sử, bảo tàng văn hoá, giao lưu với người Việt Nam để nâng cao trình độ tiếng Việt và hiểu biết thêm về đất nước và con người Việt Nam. Môn học cũng rèn luyện cho các sinh viên kỹ năng đọc và viết các văn bản tiếng Việt, đặc biệt là các văn bản chuyên về lịch sử và văn hoá.

**3.2. Chuẩn đầu ra của môn học (Mục tiêu cụ thể):**

Học xong môn học này, sinh viên có được:

**a. Về kiến thức:**

- Biết thêm các từ ngữ ngữ pháp tiếng Việt ở trình đé cao hơn. Sau khi học xong môn học, sinh viên được bổ sung vốn từ ngữ chuyên ngành lịch sử và văn hóa, nắm bắt, hiểu biết thêm nhiều mẫu câu, các từ ngữ ngữ pháp mà người Việt thường sử dụng trong giao tiếp xã hội, giao tiếp nơi công sở, trong trường học, trong gia đình, giữa bạn bè... và trong các văn bản tiếng Việt vÒ lÞch sö vµ v¨n ho¸.

- Sinh viên cũng sẽ được nâng cao khả năng ®äc vµ viết văn bản tiếng Việt, giúp cho họ tự tin hơn khi sử dụng tiếng Việt vào soạn thảo văn bản, nhÊt lµ c¸c v¨n b¶n vÒ lÞch sö vµ v¨n ho¸.

**b. Về kỹ năng:** Sinh viên củng cố và phát triển được những kỹ năng sau:

+ **Nghe:** Nghe được các bản tin hoặc các cuộc trao đổi về văn hóa-lịch sử bằng tiếng Việt trên truyền hình hoặc các bài khoá trong sách để phát triển kỹ năng: nghe lấy ý chính; nghe lấy thông tin chi tiết; nghe và ghi lại được thông tin chính (note-taking); nghe hiểu và nói lại được ý chính của một đoạn văn ngắn trong bản tin; nghe và tóm tắt bài khoá.

+ **Nói:**

- Hình thành và phát triển kỹ năng giao tiếp về các chủ đề thuộc lĩnh vực văn hóa-lịch sử, như: xã hội, chính trị, lịch sử, phong tục tập quán, văn hóa ẩm thực...

*-* Biết cách thuyết trình về các chủ đề đã học trong chương trình hoặc đã biết. Nắm được các kỹ năng thuyết trình: bắt đầu và kết thúc 1 bài thuyết trình, chuyển ý giữa các phần trong bài thuyết trình, cách sử dụng các giáo cụ trực quan (visual aids), các kỹ năng thu hút người nghe trong khi thuyết trình, kỹ năng chuẩn bị và trả lời các câu hỏi từ người nghe, v.v.

+ Đọc:

- Đọc hiểu được các bài viết có liên quan đến chủ đề học trong chương trình, các bài viết về văn hóa-lịch sử có nội dung dễ hiểu: đọc và xác định nội dung và ý chính của bài; nắm được các thông tin chi tiết của bài đọc.

- Hiểu bài đọc và áp dụng thành thạo kỹ năng đọc để hoàn thành tốt các bài tập có liên quan đến nội dung bài đọc như: chọn tiêu đề cho đoạn; trắc nghiệm; quyết định thông tin: đúng/ Sai/ không có thông tin; sắp xếp lại các sự kiện trong bài; nhận diện loại thông tin bằng cách đánh dấu √; đoán nghĩa của từ dựa vào văn cảnh; hoàn thành câu sử dụng các từ/cụm từ trong đoạn văn, v.v...

+ Viết:

- Nắm được lý thuyết cơ bản về cách viết một bài luận chuên ngành: cấu trúc của một bài luận, cách làm dàn ý, cách liên kết các phần thành một bài luận hoàn chỉnh.

- Biết cách viết các bài luận dưới dạng nguyên nhân - hệ quả về các chủ đề được học trong chương trình.

- Biết cách điền thông tin vào đơn xin việc, viết các bức thư trang trọng như thư cảm ơn, thư xin việc, viết các bài báo, các bài bình luận, bài thu hoạch, kể chuyện và mô tả quá trình

c. Về thái độ:

- Sinh viên sẽ càng ngày càng cảm thấy yêu thích môn học.

- Hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến chuyên ngành văn hóa-lịch sử học bằng tiếng Việt.

- Xác định được khả năng, ưu thế cá nhân để từ đó đề ra được định hướng học tập và việc làm trong tương lai.

- Nắm được các kỹ năng và cách trình bày văn bản viết tiếng Việt về chủ đề lịch sử - văn hóa.

- Nắm được kỹ năng đọc hiểu các văn bản lịch sử và văn hoá tiếng Việt.

**3.3. Bảng tổng hợp chuẩn đầu ra của môn học (Mục tiêu chi tiết):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu**  **Nội dung** | **Bậc I** | **Bậc II** | **Bậc III** |
| **Nội dung**  **1**  BÀI MỘT  Nhà nước  Văn Lang-  Âu Lạc | I.A.1. Đọc bài: “Nhà nước Văn Lang - Âu Lạc”  I.A.2. Nhận ra được các hiện tượng ngữ pháp (HTNP) mới trong bài  I.A.3. Nhận diện các từ ngữ mới trong bài | I.B.1. Hiểu và đặt câu với các HTNP mới.  I.B.2. Hiểu nghĩa các từ ngữ mới trong bài.  I.B.3. Hiểu nội dung bài đọc và hoàn thành cỏc bài tập: trả lời câu hỏi, lựa chọn đúng /sai… | I.C.1.Trình bày tóm tắt sự ra đời và phát triển của nhà nước Văn Lang-Âu Lạc.  I.C.2. Viết tóm tắt nội dung bài đọc. |
| **Nội dung**  **2**  BÀI HAI  Lược sử  12 triều đại  Việt Nam | II.A.1. Đọc bài “Lược sử 12 triều đại VN”  II.A.2. Nhận diện được các HTNP trong bài.  II.A.3. Nhận ra và liệt kê được các từ ngữ (phản ánh lịch sử) mới trong bài. | II.B.1. Hiểu nghĩa, đặt câu với các HTNP trong bài.  II.B.2. Hiểu nghĩa có thể đặt câu với các từ ngữ mới.  II.B.3. Hiểu được nội dung bài đọc và làm được các bài tập liên quan. | II.C.1.Trình bày tóm tắt lược sử của 12 triều đại trong lịch sử VN.  II.C.2. Viết lại những nét cơ bản của một trong 12 triều đại Việt Nam. |
| **Nội dung**  **3**  BÀI BA  Một số trung tâm thương mại thời xưa | III.A.1. Đọc bài: “Một số trung tâm thương mại thời xưa”.  III.A.2. Nêu ra được các HTNP mới trong bài.  III.A.3. Nhận diện và liệt kê được các từ ngữ mới (biểu thị văn hóa) trong bài. | III.B.1. Hiểu ý nghĩa và đặt câu với các HTNP mới trong bài.  III.B.2. Hiểu được ý nghĩa của các từ ngữ mới trong bài, đặt câu với chúng.  III.B.3. Hiểu được nội dung bài đọc và hoàn thành các bài tập. | III.C.1. Viết câu, hoàn thiện câu với các HTNP mới.  III.C.2.Sử dụng từ ngữ mới trong bài điền vào chỗ trống với các câu cho sẵn.  III.C.3. Trình bày tóm tắt nội dung BĐ. |
| **Nội dung**  **4**  BÀI BỐN  Trống đồng đúc kết  tinh hoa  của  người Việt cổ… | IV.A.1. Đọc bài: “Trống Đồng đúc kết tinh hoa của người Việt cổ,…”  IV.A.2. Nhận biết, nêu được các HTNP mới trong bài.  IV.A.3. Nhận diện và liệt kê được từ ngữ mới (biểu thị văn hóa-lịch sử) trong bài. | IV.B.1. Hiểu nghĩa và đặt câu với các cấu trúc ngữ pháp mới trong bài.  IV.B.2. Đặt câu với các từ ngữ mới trong bài.  IV.B.3. Hiểu nội dung bài đọc và hoàn thành các bài tập. | IV.C.1. Sử dụng các HTNP mới viết câu, hoàn thiện câu.  IV.C.2.Sử dụng từ ngữ mới trong bài điền vào chỗ trống trong các câu cho sẵn.  IV.C.3. Trình bày tóm tắt nội dung BĐ. |
| **Nội dung**  **5**  BÀI NĂM  Ngôn ngữ -  chữ viết  của  người Việt | V.A.1. Đọc bài “Ngôn ngữ - chữ viết của người Việt”.  V.A.2. Nhận biết, nêu được cỏc HTNP mới trong bài.  V.A.3. Nhận diện các từ ngữ biểu thị văn hóa mới trong bài. | V.B.1. Hiểu được nghĩa, cỏch dựng của cỏc HTNP mới trong bài.  V.B.2. Hiểu được nghĩa các từ ngữ biểu thị văn hóa trong bài.  V.B.3. Hiểu được nội dung bài đọc: nguồn gốc, thời điểm xuất hiện chữ viết của TV. | V.C.1. Sử dụng các HTNP mới viết câu, hoàn thiện câu.  V.C.2.Sử dụng từ ngữ mới trong bài điền chỗ trống trong các câu cho sẵn.  V.C.3. Trình bày (viết/nói) về nguồn gốc chữ viết của TV. |
| **Nội dung**  **6**  BÀI SÁU  Tục  thờ cúng  gia tiên  của  gia đình người Việt | VI.A.1. Đọc bài “Tục thờ cúng gia tiên của gia đình người Việt”.  VI.A.2. Nhận biết, nêu được các HTNP mới trong bài  VI.A.3. Nhận diện các từ ngữ mới biểu thị văn hóa, phong tục trong bài. | VI.B.1. Hiểu được ý nghĩa, cách sử dụng các HTNP mới trong bài.  VI.B.2. Hiểu được ý nghĩa các từ ngữ mới biểu thị văn hóa, phong tục trong bài.  VI.B.3. Hiểu nội dung bài đọc: ý nghĩa của việc thờ cúng gia tiên trong gia đình người Việt. | VI.C.1. Sử dụng các HTNP mới viết câu, hoàn thiện câu.  VI.C.2.Sử dụng từ ngữ mới trong bài điền vào chỗ trống trong các câu cho sẵn.  VI.C.3. Cho biết ý nghĩa của việc thờ cúng gia tiên trong gia đình người Việt, |
| **Nội dung**  **7**  BÀI BẢY  Tục lệ  Tết  Nguyên  đán | VII.A.1. Đọc bài “Tục lệ Tết Nguyên đán”.  VII.A.2. Nhận biết, nêu được các hiện tượng, cấu trúc ngữ pháp mới trong bài.  VII.A.3. Nhận diện các từ ngữ mới biểu thị văn hóa, phong tục trong bài. | VII.B.1. Hiểu được ý nghĩa, cách dùng các HT, CTr. NP mới trong bài.  VII.B.2. Hiểu nghĩa và đặt câu với các từ ngữ mới biểu thị văn hóa, phong tục trong bài.  VII.B.3. Hiểu được nội dung bài đọc và những công việc người VN làm trong những ngày Tết Nguyên Đán, như trang hoàng nhà cửa, biếu Tết, chúc Tết, mừng tuổi…. | VII.C.1. Sử dụng HTNP hiện tượng mới viết câu, hoàn thiện câu.  VII.C.2.Sử dụng từ ngữ mới trong bài điền chỗ trống trong các câu cho sẵn.  VII.C.3. Nói về ngày Tết và những hoạt động trong ngày Tết ở nước mình. So sánh để rút ra những điểm giống và khác nhau giữa Tết VN và Tết của nước mình. |
| **Nội dung**  **8**  BÀI TÁM  Phở  Hà Nội | VIII.A.1. Đọc bài “Văn hóa ẩm thực”.  VIII.A.2. Nhận biết, nêu được các HTNP mới trong bài.  VIII.A.3. Nhận diện các từ ngữ biểu thị văn hóa mới trong bài. | VIII.B.1. Hiểu được ý nghĩa, cách dùng các HTNP mới trong bài.  VIII.B.2. Hiểu được ý nghĩa các từ ngữ mới và đặt câu với chúng.  VIII.B.3. Hiểu được nội dung bài đọc, nói về một số đồ ăn, thức uống chính và cách nấu một vài món ăn tiêu biểu của Việt, như nem rán, phở, ... | VIII.C.1. Sử dụng các HTNP mới viết câu, hoàn thiện câu.  2.Sử dụng từ ngữ mới trong bài điền vào chỗ trống trong các câu cho sẵn.  3. Nói về một số món ăn, thức uống chính trong các bữa ăn của người Việt và của dân tộc mình. |
| **Nội dung**  **9**  BÀI CHÍN  Tục  ăn trầu  và  sự tích  trầu cau | IX.A.1. Đọc bài “Tục ăn trầu và sự tích trầu cau”.  IX.A.2. Nhận biết, nêu được các HTNP mới trong bài.  IX.A.3. Nhận diện các từ ngữ mới biểu thị văn hóa, lịch sử trong bài. | IX.B.1. Hiểu được ý nghĩa, cách dùng các hiện tượng và CTNP mới trong bài.  IX.B.2. Hiểu được ý nghĩa và đặt câu với các từ ngữ mới trong bài.  IX.B.3. Hiểu được nội dung bài đọc, sự tích trầu cau. | IX.C.1. Sử dụng các HTNP mới để viết câu, hoàn thiện câu.  IX.C.2.Sử dụng các từ ngữ mới trong bài điền vào chỗ trống trong các câu cho sẵn.  IX.C.3. Kể lại nội dung câu chuyện. |
| **Nội dung 10**  BÀI MƯỜI  Sự tích bánh chưng bánh Giày | X.A.1. Đọc bài: “Sự tích bánh chưng, bánh giầy”.  X.A.2. Nhận biết, nêu được các HT, CTNP mới trong bài.  X.A.3. Nhận diện từ ngữ mới biểu thị lịch sử, văn hóa trong bài. | X.B.1. Hiểu được ý nghĩa, cách sử dụng các HT, CTNP mới trong bài.  X.B.2. Hiểu được ý nghĩa các từ ngữ mới và đặt câu với chúng.  X.B.3. Hiểu được nội dung bài đọc. | X.C.1. Sử dụng các HTNP mới viết câu, hoàn thiện các câu.  X.C.2.Sử dụng từ ngữ mới trong bài điền vào chỗ trống trong câu cho sẵn.  X.C.3. Kể lại nội dung câu chuyện. |
| **Nội dung 11**  BÀI  MƯỜI MỘT  Nhà của người  Việt | XI.A.1. Đọc bài: “Nhà ở của người Việt”.  XI.A.2. Nhận biết, nêu được các HT, CTNP mới có trong bài.  XI.A.3. Nhận diện các từ ngữ mới biểu thị văn hóa, lịch sử trong bài. | XI.B.1. Hiểu được ý nghĩa, cách sử dụng các HTvà CTNP mới trong bài.  XI.B.2. Hiểu được ý nghĩa của các từ ngữ mới và đặt câu với chúng.  XI.B.3. Hiểu được những nét cơ bản về nhà ở của người Việt. | X.C.1. Sử dụng các HTNP mới để viết câu, hoàn thiện câu.  X.C.2.Sử dụng các từ ngữ mới trong bài điền vào chỗ trống trong các câu cho sẵn.  X.C.3. Trình bày tóm tắt nội dung bài đọc. |
| **Nội dung 12**  BÀI  MƯỜI  HAI  Hà Nội | XII.A.1. Đọc bài đọc “Hà Nội”.  XII.A.2. Nhận biết, nêu được các HTNP mới trong bài.  XII.A.3. Nhận diện các từ ngữ mới biểu thi văn hóa, lịch sử trong bài. | XII.B.1. Hiểu được ý nghĩa, cách sử dụng các HTvà CTNP mới trong bài.  XII.B.2. Hiểu được ý nghĩa của các từ ngữ mới và đặt câu với chúng.  XII.B.3. Hiểu ND và nắm được những nét cơ bản về HN | XII.C.1. Sử dụng các HTNP mới viết câu, hoàn thiện câu.  XII.C.2.Sử dụng các từ ngữ mới trong bài điền vào chỗ trống trong các câu cho sẵn.  XII.C.3. Viết một bài nói lên cảm nghĩ của mình về Hà Nội. |
| **Nội dung 13**  BÀI  MƯỜI  BA  Huế | XIII.A.1. Đọc bài đọc “Huế”.  XIII.A.2. Nhận biết, nêu được các HTNP mới trong bài.  XIII.A.3. Nhận diện các từ ngữ mới biểu thị văn hóa, lịch sử trong bài. | XIII.B.1. Hiểu được ý nghĩa, cách sử dụng các HTvà CTNP mới trong bài.  XIII.B.2. Hiểu được ý nghĩa của các từ ngữ mới, đặt câu với chúng.  XIII.B.3. Hiểu nội dung bài đọc và nắm được những nét cơ bản về Huế. | XIII.C.1. Sử dụng các HTNP mới để viết và hoàn thiện câu.  XIII.C.2.Sử dụng các từ ngữ mới trong bài điền vào chỗ trống trong các câu cho sẵn.  XIII.C.3. Hãy viết một bài nói lên những hiểu biết của mình về Huế. |
| **Nội dung 14**  BÀI  MƯỜI  BỐN  Sài Gòn- thành phố Hồ Chí Minh | XIV.A.1. Đọc bài: “Sài Gòn - thành phố Hồ Chí Minh”.  XIV.A.2. Nhận biết, nêu được các HT, CTNP mới trong bài.  XIV.A.3. Nhận diện các từ ngữ mới biểu thị văn hóa, lịch sử trong bài. | XIV.B.1. Hiểu được ý nghĩa, cách sử dụng các HTvà CTNP mới trong bài.  XIV.B.2. Hiểu được ý nghĩa và đặt câu với các từ ngữ mới.  XIV.B.3. Hiểu nội dung bài đọc và nắm được những nét cơ bản về thành phố Hồ Chí Minh. | XIV.C.1. Sử dụng các HTNP mới để viết và hoàn thiện câu.  XIV.C.2.Sử dụng từ ngữ mới trong bài điền vào chỗ trống trong các câu cho sẵn.  XIV.C.3. Dựa vào bài đọc, trả lời câu hỏi, đánh dấu đúng/ sai vào các câu cho sẵn |

**4. Tóm tắt nội dung môn học:**

Môn học “Tiếng Việt chuyên ngành 1 (Văn hóa-Lịch sử” sẽ bổ sung cho người học các hiện tượng, các cấu trúc ngữ pháp ở mức độ khó hơn mà ở trình độ sơ và trung cấp họ chưa được học.

Ngoài việc dạy các hiện tượng và các cấu trúc ngữ pháp, nội dung chính của môn học là trang bị cho người học vốn từ ngữ và cách thể hiện bằng tiếng Việt về các lĩnh vực văn hóa và lịch sử.

Sau khi hoàn thành môn học, người học sẽ nắm được hầu hết các hiện tượng, các cấu trúc ngữ pháp trong tiếng Việt. Điều đó sẽ giúp họ tự tin và sử dụng tiếng Việt thuần thục hơn cả trong giao tiếp cũng như trong khi soạn thảo văn bản. Đặc biệt, người học sẽ được trang bị thêm vốn từ ngữ chuyên ngành về văn hoá và lịch sử. Ngoài việc nâng cao trình độ tiếng Việt chuyên ngành, sau khi kết thúc môn học, người học cũng hiểu biết thêm về những một nền văn hóa truyền thống và lịch sử của dân tộc Việt Nam.

**5. Nội dung chi tiết môn học**:

**5.1. Nội dung 1: Nhà nước Văn Lang- Âu Lạc**

1. 1. Giới thiệu Nhà nước Văn Lang - Âu Lạc.

1. 2. Giải thích ngữ pháp.

1.3. Giải thích từ ngữ mới.

1.4. Luyện tập

1.5. Bài đọc thêm: **Đền Hùng**

**5.2. Nội dung 2: Các triều đại Việt Nam**

1. 1. Lược sử 12 triều đại Việt Nam

1. 2. Giải thích ngữ pháp.

1.3. Giải thích từ. ngữ mới.

1.4. Luyện tập:

1.5. Bài đọc thêm: **Văn Miếu Quốc Tử giám**

**5.3. Nội dung 3. Một số trung tâm thương mại thời xưa**

1. 1. Giới thiệu 4 trung tâm thương mại chính:

-Thăng Long - Kẻ chợ

- Phố Hiến

- Hội An

- Chợ vựng Biên Hòa – Gia Định

1. 2. Giải thích ngữ pháp.

1.3. Giải thích từ ngữ mới.

1.4. Luyện tập:

1.5. Bài đọc thêm: **Chợ Việt**

**5.4. Nội dung 4: Trống Đồng-đúc kết tinh hoa**

**của người Việt cổ, tiêu biểu cho văn hóa thời kỡ dựng nước**

1. 1. Giới thiệu khái quát về Trống Đồng

1. 2. Giải thích ngữ pháp.

1.3. Giải thích từ. ngữ mới.

1.4. Luyện tập:

1.5. Bài đọc thêm: **Trống Đồng Việt Nam**

**5.5. Nội dung 5: Ngôn ngữ - Chữ viết của người Việt**

1. 1. Vai trò, chức năng của chữ viết

1. 2. Giải thích ngữ pháp.

1.3. Giải thích từ. ngữ mới.

1.4. Luyện tập:

1.5. Bài đọc thêm: **Dịch giả Nguyễn Văn Vĩnh-**

**Người mở đường cho chữ Quốc ngữ.**

**5.6. Nội dung 6: Tục thờ cúng gia tiên của người Việt**

1. 1. Ý nghĩa của việc thờ cúng

1. 2. Giải thích ngữ pháp.

1.3. Giải thích từ ngữ mới.

1.4. Luyện tập:

1.5. Bài đọc thêm: **Đền thờ Thánh Gióng**

**5.7. Nội dung 7: Tục lệ về Tết Nguyên đán**

1. 1. Giới thiệu về Tết Nguyên đán

1. 2. Giải thích ngữ pháp.

1.3. Giải thích từ ngữ mới.

1.4. Luyện tập:

1.5. Bài đọc thêm: **Năm mới bàn chuyện kiêng**

**5.8. Nội dung 8: Phở Hà Nội**

1. 1. Giới thiệu về các loại phở

1. 2. Giải thích ngữ pháp.

1.3. Giải thích từ, ngữ mới.

1.4. Luyện tập:

1.5. Bài đọc thêm: **Bánh tôm Hồ Tây**

**5.9. Nội dung 9: Tục ăn trầu và sự tích trầu cau**

1. 1. Giới thiệu về tục ăn trầu của người Việt

1. 2. Giải thích ngữ pháp.

1.3. Giải thích từ, ngữ mới.

1.4. Luyện tập:

1.5. Bài đọc thêm: **Trầu cau trong văn hóa của người Việt**

**5.10. Nội dung 10: Truyền thuyết bánh Chưng, bánh Giầy**

1. 1. Giới thiệu về bánh Chưng, bánh Giầy

1. 2. Giải thích ngữ pháp.

1.3. Giải thích từ, ngữ mới.

1.4. Luyện tập:

1.5. Bài đọc thêm: **Tình nghĩa bánh Phu-Thê**

**5.11. Nội dung 11: Nhà ở của người Việt xưa**

1. 1. Giới thiệu về nhà ở người Việt

1. 2. Giải thích ngữ pháp

1.3. Giải thích từ ngữ mới

1.4. Luyện tập:

1.5. Bài đọc thêm: **Ngôi nhà cổ “triệu đô” và ông “tỉ phú” gàn**

**5.12. Nội dung 12: Hà Nội**

1. 1. Giới thiệu về thủ đô Hà Nội

1. 2. Giải thích ngữ pháp.

1.3. Giải thích từ ngữ mới.

1.4. Luyện tập:

1.5. Bài đọc thêm: **Phố Cổ - một lần dạo bộ**

**5.13. Nội dung 13: Phú Xuân – Huế**

1. 1. Giới thiệu về cố đô Huế

1. 2. Giải thích ngữ pháp.

1.3. Giải thích từ ngữ mới.

1.4. Luyện tập:

1.5. Bài đọc thêm: **Chùa Thiên Mụ**

**5.14. Nội dung 14: Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh**

1. 1. Giới thiệu về thành phố Hồ Chí Minh

1. 2. Giải thích ngữ pháp.

1.3. Giải thích từ. ngữ mới.

1.4. Luyện tập:

1.5. Bài đọc thêm: **Chợ Bến Thành**

**5.15. Ôn tập và chuẩn bị thi hết môn**

**6. Học liệu:**

**6.1. Học liệu bắt buộc:**

6.1.1. Trần Nhật Chính , (2012),Tiếng Việt chuyên ngành I, Tập bài giảng, (Văn hóa - Lịch sử).

6.1.2. Đại học Quốc gia Hà Nội, Văn hóa học đại cương và cơ sở văn hóa Việt Nam, Nxb KHXH, Hà Nội, 1996.

6.1.3. Trần Quốc Vượng (cb), Cơ sở văn hóa Việt Nam, Nxb Giáo Dục, 1997.

6.1.4. Nhất Thanh - Vũ Văn Khiếu, Phong tục làng xóm Việt Nam, Nxb Phương Đông, 2005.

**6.2. Học liệu tham khảo:**

6.2.1. Hwang Gwi Yeon,Trịnh Cẩm Lan, Nguyễn Khánh Hà, Bài đọc tiếng Việt Nâng cao, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2005.

6.2.2. Đặng Đức Siêu, Sổ tay văn hóa Việt Nam, Nxb Văn học, 2006.

6.2.3. WWW. Lichsuvietnam.info/index.php

**7. Hình thức tổ chức dạy học**

**7.1. Lịch trình chung**:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung**  (15 tuần) | **Hình thức tổ chức dạy môn học** | | | | | **Tổng số giờ** |
| **Lên lớp** | | | Thực hành | Tự học, |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo  luận |
| Tuần 1: Nội dung 1 | 1 | 2 |  |  |  |  |
| Tuần 2: Nội dung 2 | 1 | 2 |  |  |  |  |
| Tuần 3: Nội dung 3 | 1 | 2 |  |  |  |  |
| Tuần 4: Nội dung 4 | 1 | 2 |  |  |  |  |
| Tuần 5: Nội dung 5 | 1 | 2 |  |  |  |  |
| Tuần 6: Nội dung 6 | 1 | 2 |  |  |  |  |
| Tuần 7: Nội dung 7 | 1 | 2 |  |  |  |  |
| Tuần 8: Nội dung 8  Kiểm tra giữa kì | 1  1 | 2 |  |  |  |  |
| Tuần 9: Nội dung 9 | 1 | 2 |  |  |  |  |
| Tuần 10: Nội dung 10 | 1 | 2 |  |  |  |  |
| Tuần 11: Nội dung 11 | 1 | 2 |  |  |  |  |
| Tuần 12: Nội dung 12 | 1 | 2 |  |  |  |  |
| Tuần 13: Nội dung 13 | 1 | 2 |  |  |  |  |
| Tuần 14: Nội dung 14 | 1 | 2 |  |  |  |  |
| Tuần 15: Ôn tập, | 2 |  |  |  |  |  |
| **Tổng số giờ tín chỉ** | **17** | **28** |  |  |  | **45** |
| **Tổng số giờ trên lớp** | **17** | **28** |  |  |  | **45** |

**7.2. Lịch trình cụ thể**:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức,tổ chức dạy học** | **Thời gian, địa điểm** | **Nội dung chính** | **Yêu cầu sinh viên**  **chuẩn bị** | **Ghi chú** |
|  |  | **Tuần 1** |  |  |
| Lý thuyết | 1 giờ trên lớp | **Nội dung 1** | - Đọc trước bài đọc.  - Chuẩn bị làm kế hoạch học tập môn học  - Chuẩn bị học liệu |  |
| Bài tập | 2 giờ trên lớp | - Luyện tập ngữ pháp.  - Đặt câu với các HTNP vừa học.  - Điền từ vào chỗ trống và TLCH theo ND BĐ | - Đọc TLBB 6.1.1.  tr.1-4  - Đọc bài đọc thêm (ĐT), tr.14-15. |  |
| Tự học | ở nhà | Giao bài tập cá nhân (BTCN) tuần 1 |  |  |
|  |  | **Tuần 2** |  |  |
| Lý thuyết | 1 giờ trên lớp | **Nội dung 2** | Đọc bài 2 trước ở nhà |  |
| Bài tập | 2 giờ tại lớp | - Luyện tập NP  - Đặt câu với các HTNP vừa học.  - Điền từ vào chỗ trống và TLCH theo ND BĐ | - Đọc tài liệu BB. 6.1.1 (tr.21-25); TLTK 6.2.1 (tr.34)  - Đọc bài ĐT, tr35-36.  - Nhớ được các HTNP đã học |  |
| Tự học | ở nhà | Giao BTCN tuần 2 | Làm BTCN tuần 2 |  |
|  |  | **Tuần 3** |  |  |
| Lý thuyết | 1 giờ trên lớp | **Nội dung 3** | Đọc trước bài đọc. |  |
| Bài tập | 2 giờ trên lớp | - Đặt câu với các HTNP vừa học (mỗi từ 1 câu).  - Sử dụng các HTNP vừa học viết tiếp câu.  - Điền từ vào chỗ trống trong câu.  - Trả lời các câu hỏi. | - Đọc TLBB 6.1.1. tr. 40-42; đọc bài ĐT, tr.5-53.  - Chuẩn bị ý kiến về trung tâm thương mại thời xưa để thảo luận tại lớp  - Nộp BTCN tuần 2 |  |
| Tự học | ở nhà | Giao BTCN tuần 3 | Làm BTCN tuần 3 |  |
|  |  | **Tuần 4** |  |  |
| Lý thuyết | 1 giờ trên lớp | **Nội dung 4** | Đọc trước bài đọc. |  |
| Bài tập | 2 giờ trên lớp | - Đặt câu với các từ ngữ pháp vừa học  - Sử dụng các HTNP vừa học viết tiếp câu.  - Điền từ vào các chỗ trống và TLCH. | - Đọc TLBB 6.1.1. tr. 57-58; đọc bài ĐT, tr.70-71.  - Nộp bài tập cá nhân tuần 3 |  |
| Tự học | ở nhà | Giao BTCN tuần 4 | Làm BTCN tuần 4 |  |
|  |  | **Tuần 5** |  |  |
| Lý thuyết | 1 giờ trên lớp | **Nội dung 5** | Đọc tài liệu giới thiệu Tiếng Việt |  |
| Bài tập | 2 giờ trên lớp | - Đặt câu với các HTNP vừa học (mỗi từ 1 câu).  - Sử dụng các HTNP đã học viết tiếp câu. | - Nộp bài tập cá nhân tuần 4  - Đọc TLBB 6.1.1. tr. 77-78; đọc bài ĐT, tr.88-89. |  |
| Tự học | ở nhà | Giao BTCN tuần 5. | Làm BTCN tuần 5. |  |
|  |  | **Tuần 6** |  |  |
| Lý thuyết | 1 giờ trên lớp | **Nội dung 6** | Đọc tài liệu nói về tục thờ cúng gia tiên của gia đình người Việt |  |
| Bài tập | 2 giờ trên lớp | -Đặt câu với các HTNP vừa học (mỗi từ 1 câu).  - Sử dụng các từ NP vừa học viết tiếp câu. | - Nộp BTCN tuần 5.  - Đọc TLBB 6.1.1. tr. 95-96; đọc bài ĐT, tr. 106-107. |  |
| Tự học | ở nhà | Giao BTCN /tuần 6. | Làm BTCN tuần 6. |  |
|  |  | **Tuần 7** |  |  |
| Lý thuyết | 1 giờ trên lớp | **Nội dung 7** | Đọc tài liệu về Tết Việt; Đọc TLBB 6.1.1.tr. 112 - 113; đọc bài ĐT, tr 124-125. |  |
| Bài tập | 2 giờ trên lớp | - Đặt câu với các HTNP vừa học (mỗi từ 1 câu).  - Sử dụng từ NP vừa học viết tiếp câu.  - Điền từ vào chỗ trống và TLCH theo bài đọc. | - Nộp BTCN tuần 6  - Đọc tài liệu về ẩm thực. |  |
| Tự học | ở nhà | Giao BTCN /tuần 7 | Làm BTCN /tuần 7 |  |
|  |  | **Tuần 8** |  |  |
| Lý thuyết | 1 giờ trên lớp | **Nội dung 8** | - Đọc các tài liệu về văn hóa ẩm thực |  |
| Bài tập | 2 giờ trên lớp | - Đặt câu với các HTNP vừa học (mỗi từ 1 câu).  - Sử dụng từ NP vừa học viết tiếp câu. | - Nộp BTCN/tuần 7  - Đọc TLBB 6.1.1. tr. 131-132; đọc bài ĐT, tr.142-143. |  |
| Tự học | ở nhà | - Giao BTCN tuần 8.  - Kiểm tra giữa kì, viết, 60 phút. | - Chuẩn bị viết một bài về ẩm thực và làm  - BTCN tuần 8. |  |
|  |  | **Tuần 9** |  |  |
| Lý thuyết | 1 giờ trên lớp | **Nội dung 9** | Đọc trước bài đọc |  |
| Bài tập | 2 giờ trên lớp | - Điền từ vào các chỗ trống trong câu.  - Dựa vào bài đọc TLCH | Đọc TLBB 6.1.1. tr.  146-147; đọc bài ĐT, tr.158-159. |  |
| Tự học | ở nhà | - Giao BTCN /tuần 9  - Giao bài tập nhóm | Làm BTCN/ tuần 9. |  |
|  |  | **Tuần 10** |  |  |
| Lý thuyết | 1 giờ trên lớp | **Nội dung 10** | Đọc trước bài đọc |  |
| Bài tập | 2 giờ trên lớp | - Đặt câu với các HTNP vừa học (mỗi từ 1 câu).  - Sử dụng từ NP vừa học viết tiếp câu.  - Điền từ vào chỗ trống và TLCH theo ND BĐ | - Nộp BTCN /tuần 9.  - Đọc TLBB 6.1.1. tr. 164-165; đọc bài ĐT, tr.174-175. |  |
| Tự học | ở nhà | Giao BTCN tuần 10 | Làm BTCN tuần 10. |  |
|  |  | **Tuần 11** |  |  |
| Lý thuyết | 1 giờ trên lớp | **Nội dung 11** | Đọc một số tài liệu về nhà ở của người Việt. |  |
| Bài tập | 2 giờ trên lớp | - Đặt câu với các HTNP vừa học (mỗi từ 1 câu).  - Sử dụng từ NP vừa học viết tiếp câu. | - Nộp BTCN / tuần 10.  - Đọc TLBB 6.1.1. tr. 180-181; đọc bài ĐT, tr.192-193. |  |
| Tự học | ở nhà | Giao BTCN/ tuần 11 | - Làm BTCN tuần 11 |  |
|  |  | **Tuần 12** |  |  |
| Lý thuyết | 1 giờ trên lớp | **Nội dung 12** | Đọc tài liệu viết về Hà Nội |  |
| Bài tập | 2 giờ trên lớp | - Đặt câu với các HTNP vừa học (mỗi từ 1 câu).  - Sử dụng từ NP vừa học viết tiếp câu.  - Điền từ vào chỗ trống và TLCH theo ND BĐ. | - Nộp BTCN/ tuần 11  - Đọc TLBB 6.1.1. tr. 199-200; đọc bài ĐT, tr.212-213. |  |
| Tự học | ở nhà | Giao BTCN/tuần 12. | Làm BTCN tuần 12 |  |
|  |  | **Tuần 13** |  |  |
| Lý thuyết | 1 giờ trên lớp | **Nội dung 13** | Đọc tài liệu về Huế |  |
| Bài tập | 2 giờ trên lớp | -Viết bài nêu lên những hiểu biết của anh/chị về Huế.  - Điền từ vào chỗ trống và TLCH theo ND BĐ | - Nộp BTCN / tuần 12.  - Đọc TLBB 6.1.1. tr. 218-219; đọc bài ĐT, tr.230-231. |  |
| Tự học | ở nhà | Giao BTCN /tuần13. | LàmBTCN/ tuần 13 |  |
|  |  | **Tuần 14** |  |  |
| Lý thuyết | 1 giờ trên lớp | **Nội dung 14** | Đọc một số tài liệu nói về Tp. HCM |  |
| Bài tập | 2 giờ trên lớp | - Đặt câu với các HTNP vừa học (mỗi từ 1 câu).  - Thu BTCN tuần 13 | - Nộp BTCN / tuần 13  - Đọc TLBB 6.1.1. tr. 236-237; đọc bài ĐT, tr.249-250. |  |
|  |  | **Tuần 15** |  |  |
| Lý thuyết | 2 giờ  trên lớp | - Hướng dẫn nội dung ôn tập và giải đáp câu hỏi của sinh viên. | - Đọc các tài liệu ôn tập theo hướng dẫn của GV.  - Theo dõi sự tổng kết, nhận xét của giảng viên |  |
| Tự học | ở nhà |  | Tự ôn tập, chuẩn bị thi hết môn |  |

**8. Chính sách đối với môn học và yêu cầu khác của giảng viên**

**8.1. Yêu cầu:**

- Sinh viên đi học đầy đủ, đúng giờ (không được phép vắng mặt quá 20% giờ học trên lớp). Sinh viên nghỉ quá 20% giờ học trên lớp sẽ không được dự thi.

- Tích cực, chủ động trong các giờ học giao tiếp trên lớp

- Biết chia sẻ thông tin, tham gia nhiệt tình các hoạt động theo nhóm

- Có ý thức tự học, tự chuẩn bị bài theo yêu cầu của giảng viên

- Nộp bài tập lấy điểm đánh giá thường xuyên đúng hạn và đầy đủ

- Thường xuyên cập nhật các sự kiện liên quan đến các chủ đề trong chương trình bằng cách xem, nghe, đọc các bản tin thời thời sự, truy cập Internet thường xuyên, đọc các báo, tạp chí, v.v.

**8.2. Chính sách đối với môn học:**

- Đánh giá kết quả làm việc theo nhóm (2-4 sinh viên) với 4 mức độ A,B,C,D (A: giỏi; B: khá; C: đạt; D: không đạt)

- Khuyến khích sinh viên tìm thêm tài liệu tham khảo và trao đổi ý kiến với giảng viên.

- Giới thiệu cho sinh viên các nguồn tài liệu cập nhật về các vấn đề liên quan đến môn học: sách, báo, giáo trình, internet.

**9. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn học:**

**9.1. Mục đích và trọng số kiểm tra:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức** | **Tính chất của nội dung kiểm tra** | **Mục đích kiểm tra** | **Trọng số** |
| Đánh giá  thường xuyên | Các vấn đề lí thuyết | Đánh giá khả năng vận dụng các hiện tượng ngữ pháp TV vào trong giao tiếp và viết. | 5% |
| Bài tập  cá nhân | Một số vấn đề lí thuyết, vận dụng lý thuyết vào thực tiễn khi học TV | Đánh giá ý thức học tập thường xuyên và khả năng làm việc độc lập. | 10% |
| Bài tập lớn | Kết hợp lí luận và ứng dụng thực tiễn. | Đánh giá khả năng học tập độc lập và khả năng vận dụng các HTNP, khả năng viết TV. | 10% |
| Bài kiểm tra  Giữa kỳ | Kết hợp lí luận và ứng dụng thực tiễn. | Đánh giá khả năng sử dụng các HTNP và khả năng viết. | 25% |
| Bài thi  hết môn | Kết hợp lí luận và khả năng ứng dụng | Đánh giá khả năng vận dụng các HTNP và khả năng viết bài luận của SV | 50% |

**9.2. Tiêu chí đánh giá các loại bài tập và kiểm tra đánh giá**

* + 1. **Bài tập viết cá nhân/tuần**

Loại bài tập này thường dùng để kiểm tra sự chuẩn bị, học của sinh viên về một vấn đề không lớn nhưng trọn vẹn. Các tiêu chí đánh giá các loại bài tập này có thể bao gồm:

+ **Nội dung**:

1. Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lí.

2. Thể hiện kĩ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu.

3. Có bằng chứng về việc sử dụng tài liệu do giảng viên hướng dẫn.

+ **Hình thức**:

4. Ngôn ngữ trong sáng, diễn đạt đúng thanh điệu, ngữ pháp tiếng Việt, dễ hiểu, logic, đầy đủ nội dung bài học.

5. Nộp bài đúng hạn như đã được giảng viên thông báo.

**9.2.3. Loại bài tập lớn:**

**+ Các tiêu chí chung:**

1. Đặt vấn đề, xác định đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu hợp lí và lôgíc.

2. Có bằng chứng rõ rệt về năng lực tư duy phê phán, kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu.

3. Có bằng chứng về việc sử dụng các tài liệu, phương pháp, giải pháp do giảng viên hướng dẫn.

4. Bố cục hợp lí, ngôn ngữ trong sáng, trích dẫn hợp lệ, trình bày đẹp đúng qui cách.

**+ Biểu điểm trên cơ sở mức độ đạt 4 tiêu chí:**

**- Điểm 9-10:** Đạt cả 4 tiêu chí

**- Điểm 7-8:** Đạt 2 tiêu chí đầu; tiêu chí 3 chưa đầy đủ; tiêu chí 4 còn

mắc lỗi.

**- Điểm 5-6:** Đạt tiêu chí 1; tiêu chí 2 chưa trọn vẹn; tiêu chí 3&4 còn mắc lỗi nhỏ.

**- Điểm dưới 5:** Không đạt cả 4 tiêu chí.

**9.3. Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại):**

- Lịch kiểm tra giữa kỳ: tuần 8 của học kỳ

- Lịch kiểm tra cuối kỳ: theo thông báo của Phòng đào tạo

- Lịch thi lại: theo thông báo của Phòng đào tạo

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2013

**Duyệt Chủ nhiệm bộ môn Giảng viên**

*(Thủ trưởng đơn vị đào tạo) (Ký tên) (Ký tên)*